

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 27/4/2023

V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị H

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn T

2. Ông Vũ Xuân Ngh

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Thế C- Thẩm tra viên

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên
tòa:* Ông Phùng Đức D - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bắc Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 24/2022/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Hoàng Văn B, sinh năm 1971. Có mặt.

HKTT: Thôn K, xã C, huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1971. Có mặt.

HKTT: Thôn K, xã C, huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là anh Hoàng Văn B trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Th kết hôn với nhau vào năm 1994 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã C, sau ngày cưới vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Từ tháng 4 năm 2016 vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn do anh nghi ngờ chị Th có quan hệ ngoại tình, mâu thuẫn về kinh tế, tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 4 năm 2016 đến nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề

ngợi Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Th.

Về con chung: Anh và chị Th có hai con chung là cháu Hoàng Thị Hà M, sinh ngày 01/5/1995 và cháu Hoàng Hải Đ, sinh ngày 06/5//1999. Do các con chung đã trưởng thành, tự lao động để nuôi sống bản thân nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, và tại phiên tòa bị đơn là chị Nguyễn Thị Th trình bày:

Chị và anh B kết hôn với nhau vào năm 1994 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã C, quá trình chung sống cùng nhau chị xác định vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chị cho rằng anh B có hành vi chứa chấp tệ nạn xã hội tại nhà mình, cuộc sống sinh hoạt hàng ngày của vợ chồng không phù hợp, anh B thường xuyên có hành vi chửi bới người nhà chị, đập phá tài sản của chị. Thời điểm vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn chị Th xác định vào khoảng năm 2021. Chị Th không nhất trí với lời trình bày của Anh B về việc vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn từ tháng 4 năm 2016, bởi vì thời điểm này chị bắt đầu đi làm công ty nên phải ở trọ bên ngoài chứ không phải vợ chồng sống ly thân. Chị xác nhận hiện nay chị và anh B không sống cùng nhau nhưng thỉnh thoảng chị vẫn về nhà, vẫn lo toan đến công việc của gia đình nhà chồng. Nay anh B có đơn xin ly hôn chị, chị sẽ đồng ý ly hôn nếu anh B ký vào tờ giấy di chúc do chị tự viết với nội dung là anh B phải để lại hết tài sản cho con, nếu anh B không ký vào tờ giấy di chúc này thì chị không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án tạm dừng không giải quyết đơn của anh B khoảng 01 năm, chờ con gái của anh chị đi làm ăn xa về thì mới giải quyết ly hôn.

Về con chung: Chị và anh B có hai con chung là cháu Hoàng Thị Hà M, sinh ngày 01/5/1995 và cháu Hoàng Hải Đ, sinh ngày 06/5//1999. Do các cháu đã trưởng thành, tự lao động để nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Chị Th xác nhận đã được Tòa án giải thích về quyền được yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản chung và công nợ của vợ chồng khi ly hôn, nhưng quá trình giải quyết vụ án cho đến thời điểm mở phiên tòa chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh B giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với chị Th; về con chung, tài sản chung và công nợ anh không yêu cầu Tòa án giải quyết, do anh là người khuyết tật, nên anh B đề nghị HĐXX miễn toàn bộ án phí cho anh.

Chị Th trình bày: Chỉ đồng ý ly hôn khi anh B ký vào giấy di chúc để lại tài sản cho con do chị tự viết, nếu anh B không ký thì đề nghị Tòa án tạm dừng không giải quyết đơn xin ly hôn của anh B 01 năm. Về con chung, tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án là đúng pháp luật. Đối với việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án là đúng pháp luật. Đại diện VKS đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 53, 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Xử anh Hoàng Văn Bc được ly hôn chị Nguyễn Thị Th.
2. Về con chung, tài sản chung và công nợ không xem xét giải quyết. Miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho anh B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn B và chị Nguyễn Thị Th kết hôn đảm bảo đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật, nên xác định quan hệ hôn nhân này là hợp pháp. Anh B xác định thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, từ tháng 4 năm 2016 thì vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, mâu thuẫn đã được gia đình hai bên biết và hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, vợ chồng sống ly thân đã lâu. Chị Th trình bày vợ chồng có mâu thuẫn, nhưng thời điểm nảy sinh mâu thuẫn là từ năm 2021, chị xác nhận anh B thường xuyên có hành vi chửi bới gia đình nhà chị và đập phá tài sản của chị. Do hoàn cảnh công việc chị đi làm ăn xa nên mới không sống cùng anh B, nhưng thỉnh thoảng chị có về nhà. Chị chỉ đồng ý ly hôn khi anh B ký vào tờ di chúc cho chị viết là anh B sẽ để lại toàn bộ tài sản cho con. Nếu anh B không ký thì chị không đồng ý ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương, được địa phương cung cấp thông tin: Anh B, chị Th nảy sinh nhiều mâu thuẫn, mâu thuẫn đã diễn ra thời gian dài và vợ chồng không sống cùng nhà từ lâu.

Từ những phân tích trên, HĐXX nhận định: Mâu thuẫn vợ chồng là có thật, mâu thuẫn trở nên trầm trọng, không có biện pháp nào để hòa giải đoàn tụ, đời sống chung vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được; Anh B, chị

Th không còn duy trì mối quan hệ quan tâm, chăm sóc yêu thương nhau, đơn xin ly hôn của anh B là có căn cứ chấp nhận, nên xử cho anh B được ly hôn chị Th.

[2] Về con chung, tài sản chung và công nợ: HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho anh Hoàng Văn B do anh Bắc là người khuyết tật.

Xét ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 91, 92, 144, 147, 227, 228, 235, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn B được ly hôn chị Nguyễn Thị Th.
- Về con chung, tài sản chung và công nợ: Không xem xét giải quyết.
- Về án phí: Miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho anh Hoàng Văn B. Trả lại cho anh Hoàng Văn B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0007097 ngày 31/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Bắc Ninh;
- VKS và THADS huyện G;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị H